

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **57** /GPMT-UBND

Trà Vinh, ngày **10** tháng 8 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 555/ĐN-TTYT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm y tế huyện Duyên Hải đề nghị cấp giấy phép môi trường của Trung tâm y tế huyện Duyên Hải và hồ sơ kèm theo;

Xét Tờ trình số 395/TTr-STNMT ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở Trung tâm y tế huyện Duyên Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Trung tâm y tế huyện Duyên Hải, địa chỉ tại khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm y tế huyện Duyên Hải” tại khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm y tế huyện Duyên Hải.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trung tâm y tế huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh số 301/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2010.

1.4. Mã số thuế: 2100190904-007.

1.5. Loại hình dịch vụ: Y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tổng diện tích của cơ sở: 11.488 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 50 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm y tế huyện Duyên Hải:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm y tế huyện Duyên Hải có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 10 tháng 8 năm 2022 đến ngày 10 tháng 8 năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trung tâm y tế huyện Duyên Hải;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở TNMT (02 bản);
- Sở Y tế;
- UBND huyện Duyên Hải;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN. 06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **57** /GPMT-UBND
ngày **10** tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trong Trung tâm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ các phòng y tế.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung 50 m³/ngày đêm, cụ thể:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Giếng tự thấm được xây dựng bên trong Trung tâm (khi hệ thống thoát nước công cộng của thị trấn Long Thành chưa hoàn thiện).
- Hệ thống thoát nước công cộng của thị trấn Long Thành: Khi hệ thống thoát nước công cộng này hoàn thiện.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Giếng tự thấm được xây dựng bên trong Trung tâm. Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1062789, Y=603844 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰).

- Hệ thống thoát nước công cộng của thị trấn Long Thành. Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1062770, Y=603841 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Khi hệ thống thoát nước công cộng của thị trấn Long Thành chưa hoàn thiện: Nước thải sau khi xử lý được xả vào giếng tự thấm bên trong Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải theo phương thức tự chảy.

- Khi hệ thống thoát nước công cộng của thị trấn Long Thành hoàn thiện: Nước thải sau khi xử lý được xả vào hệ thống thoát nước công cộng, tiếp tục chảy vào Kênh Nhà Thờ và chảy ra Luồng tàu sông Hậu theo phương thức tự chảy; nước

thải xả mặt hay xả ngầm phụ thuộc vào thủy triều của Kênh Nhà Thờ; nước thải xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	03 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	60	
3	COD	mg/L	120	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8	
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	12	
7	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/L	60	
8	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/L	12	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,12	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,2	
12	Tổng coliforms	MPN/100mL	5.000	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100mL	KPH	
15	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100mL	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống thu gom nước thải bao gồm hệ thống các ống uPVC, các tuyến ống dẫn nước thải này đều được lắp đặt nằm bên dưới mặt đất. Nước thải từ các nhà vệ sinh tại phòng ban sẽ được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại, sau đó được thu gom

bằng ống nhựa PVC đường kính 400 mm và ống nhựa PVC đường kính 250 mm với tổng chiều dài hệ thống thu gom là 523 m. Tại mỗi vị trí đầu nổi có bố trí hố ga, có tổng cộng 58 hố ga thoát nước thải kích thước 800 mm x 800 mm x sâu 1.200 - 2.000 mm. Nước thải chảy theo hệ thống thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải được thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn; sau đó tiếp tục được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm để xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung 50 m³/ngày đêm: Nước thải phát sinh → Song chắn rác → Bể lắng cát → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể hiếu khí + Màng lọc MBR → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận là Giếng tự thấm, đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2 (Trung tâm sẽ đầu nối vào hệ thống cống thoát nước công cộng của thị trấn Long Thành sau khi hệ thống này hoàn thành theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt).

+ Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramine B.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 57/GPMT-UBND
ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
A	Chất thải lây nhiễm	
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm, bơm liên kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim châm cứu, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh,.....	611
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh, vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ,...	4.237
B	Chất thải nguy hại không lây nhiễm	
1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	14
2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	05
3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân	03
4	Chất hàn răng amalgam thải bỏ,...	02
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	08
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) bằng các vật liệu khác (như composit)	185

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh: Khoảng 1.044 kg/năm bao gồm: bìa cacton, giấy vụn, vỏ giấy các loại hộp chứa thuốc.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 16.425 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 50 thùng chứa màu vàng (loại 20 lít) để chứa chất thải y tế lây nhiễm và 10 thùng chứa màu đen (loại 20 lít) để chứa chất thải nguy hại tại các phòng khám và buồng bệnh; sau đó thu gom chất thải nguy hại về Kho chứa chất thải nguy hại, tại kho có bố trí 04 thùng chứa màu vàng (loại 125 lít) và 01 thùng chứa màu đen (loại 125 lít).

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho: 02 kho chứa, mỗi kho 32 m^2 (8 m x 4 m).
- Thiết kế, cấu tạo kho: Nền bê tông, vách tường, mái lợp tole.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 20 thùng chứa màu trắng (loại 20 lít) để chứa chất thải tái chế; sau đó thu gom tập kết rác thải tái chế về Kho chứa chất thải tái chế.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho: 01 kho chứa, diện tích 32 m^2 (8 m x 4 m).
- Thiết kế, cấu tạo kho: Nền bê tông, vách tường, mái lợp tole.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 50 thùng chứa màu xanh (loại 20 lít) để chứa chất thải sinh hoạt tại các khu vực bên trong Trung tâm; sau đó thu gom về 16 thùng chứa màu xanh (loại 125 lít) và tập kết vào Kho chứa chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho: 01 kho chứa chất thải sinh hoạt, diện tích 48 m^2 (8 m x 6 m).
- Thiết kế, cấu tạo kho: Nền bê tông, vách tường, mái lợp tole.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở như: hệ thống chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố tác động của tia bức xạ.